

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÀU BÀNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 22-9-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trương Thị Tất.

Ông La Văn Châu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Phương, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Thái Hoàng Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 186/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2020 về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2020/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lý Mỹ C, sinh năm 1984; cư trú tại: tổ 3, ấp 1A, xã Phước H, huyện Phú G, tỉnh Bình D, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn K, sinh năm 1982; cư trú tại: ấp 4, xã Hưng H1, huyện Bầu B, tỉnh Bình D, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 3 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lý Mỹ C trình bày:

Về hôn nhân: chị Lý Mỹ C đăng ký kết hôn với anh Phạm Văn K tại Ủy ban nhân dân xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương vào ngày 19 tháng 10 năm 2015 (Giấy chứng nhận kết hôn số 090, quyền số 01/2015). Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc được thời gian đầu sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên

nhân mâu thuẫn do không hợp nhau, hiện tại chị C và anh K đã sống ly thân không còn quan tâm lo lắng cho nhau. Chị C nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với anh K nên chị C yêu cầu được ly hôn anh K.

Về nuôi con chung: chị C và anh K có một con chung tên Phạm Lý Minh C1, sinh ngày 19 tháng 3 năm 2017, cháu C1 hiện nay đang sống cùng chị C. Chị C yêu cầu được nuôi cháu C1 và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nợ chung: chị C không tranh chấp không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Văn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa nhưng anh K đều vắng mặt không lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh K.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án: quá trình giải quyết vụ án, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: chị Lý Mỹ C khởi kiện anh Phạm Văn K về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con; anh K có nơi cư trú tại ấp 4, xã Hưng H1, huyện Bàu B, tỉnh Bình D nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Tòa án triệu tập hợp lệ anh K lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng anh K vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh K.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

[3.1] Về hôn nhân: hôn nhân của chị C và anh K là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ; chung sống hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung; hiện nay chị C và anh K đã không sống chung với nhau không quan tâm lo lắng, chăm sóc cho nhau. Xét thấy, chị C và anh K là vợ chồng nhưng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không sống chung với nhau là không thực hiện

đúng nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Anh K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh K bỏ mặc không tham gia tố tụng, không trình bày ý kiến tại Tòa đối với yêu cầu khởi kiện của chị C. Nay, chị C không muốn tiếp tục chung sống với anh K nên chị C khởi kiện yêu cầu ly hôn anh K theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân của chị C và anh K đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị C, quyết định cho chị C và anh K ly hôn.

[3.2] Về nuôi con chung: chị C và anh K có một con chung tên Phạm Lý Minh C1, sinh ngày 19 tháng 3 năm 2017. Cháu C1 đang sống cùng chị C; chị C yêu cầu được nuôi cháu C1 và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu của chị C về nuôi con chung là hoàn toàn phù hợp, căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận, chị C được quyền tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Về cấp dưỡng, chị C không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.3] Về Ca tài sản và nợ chung: chị C không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án là phù hợp.

[5] Về án phí: Chị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lý Mỹ C.

Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Lý Mỹ C và anh Phạm Văn K.

Về nuôi con chung: Anh Phạm Văn K có trách nhiệm giao con chung tên Phạm Lý Minh C1, sinh ngày 19 tháng 3 năm 2017 cho chị Lý Mỹ C trực tiếp nuôi, chị Lý Mỹ C không yêu cầu anh Phạm Văn K cấp dưỡng nuôi con.

Anh Phạm Văn K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp anh K lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị C có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh K.

Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con. Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

Về Ca tài sản chung và nợ chung: chị Lý Mỹ C không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Chị Lý Mỹ C phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0038868 ngày 08 tháng 6 năm 2020 của C cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết công khai.

4. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- C cục Thi hành án DS huyện Bàu Bàng;
- UBND xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo;
- Đương sự;
- Cổng Thông tin điện tử của Tòa án;
- Lưu: hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Tùng

